

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HÀ TĨNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 57 /2026/QĐ-CTUBND

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản,
phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi,
bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số
24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số
56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ
tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập
quyền sở hữu toàn dân được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4326/TTr-STC
ngày 17 tháng 6 năm 2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số
285/BC-STP ngày 12 tháng 6 năm 2026; ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy
ban nhân dân tỉnh và Thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh
(qua Phiếu biểu quyết);*

*Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền
quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, phê duyệt phương án xử lý tài
sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập
quyền sở hữu toàn dân về tài sản, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập
quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại
khoản 3 Điều 10, khoản 3 Điều 20, khoản 2 Điều 43, khoản 4 Điều 47 Nghị định
số 77/2025/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 11
Điều 3 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.
2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau đây gọi là đơn vị chủ trì quản lý tài sản).
3. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công.
4. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của tỉnh ra quyết định tịch thu

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I), Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định phê duyệt phương án xử lý (trừ trường hợp phê duyệt phương án xử lý theo hình thức giao, điều chuyển) đối với tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.
2. Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý (trừ trường hợp phê duyệt phương án xử lý theo hình thức giao, điều chuyển) đối với tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị khác (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định tịch thu.
3. Ngoài nội dung phân cấp tại khoản 1, khoản 2 Điều này, việc quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản theo hình thức giao, điều chuyển thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 11 Điều 3 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền

1. Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý (trừ trường hợp phê duyệt phương án xử lý theo hình thức giao, điều chuyển) đối với tài sản do Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định phê duyệt phương án xử lý (trừ trường hợp phê duyệt phương án xử lý theo hình thức giao, điều chuyển) đối với tài sản do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

3. Ngoài nội dung phân cấp tại khoản 1, khoản 2 Điều này, việc quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản theo hình thức giao, điều chuyển thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 11 Điều 3 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương (trừ trường hợp không phải làm thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP)

1. Trường hợp khi chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản:

Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I), Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Trường hợp khi chuyển giao không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản:

a) Sở Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương cấp tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương cấp xã.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản tại Điều 5 Quyết định này là cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản.

2. Đối với trường hợp không phải làm thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được áp dụng theo thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân của từng tài sản quy định tại Điều 5 Quyết định này.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với tài sản đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền

sở hữu toàn dân theo quy định tại Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; quy định tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh, thì tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được phê duyệt; việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung được thực hiện theo phân cấp tại Quyết định này.

2. Đối với tài sản đã trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được phê duyệt thì thực hiện theo phân cấp tại Quyết định này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định và phân cấp tại Quyết định này có trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp đảm bảo đúng quy định; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tổ chức thực hiện bảo đảm đúng thẩm quyền, quy trình, quy định; sắp xếp, bố trí nhân lực và các điều kiện phù hợp để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

b) Theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành và xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý đối với các hành vi vi phạm trong quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm người đứng đầu, tập thể, cá nhân trong trường hợp cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện có vi phạm trong quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP, quy định tại Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan.

c) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm (hoặc đột xuất theo yêu cầu hoặc khi phát sinh khó khăn, vướng mắc), báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và kiến nghị, đề xuất (nếu có) gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Quyết định này.

b) Định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm (hoặc đột xuất theo yêu cầu hoặc khi phát sinh khó khăn, vướng mắc), tổng hợp, đánh giá việc thực hiện Quyết định này, báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 9;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND các xã, phường;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm TT&XTHTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH₅ (02b).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Huy Thành